

CẤU TRÚC + MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

A. CẤU TRÚC:

Đề kiểm tra bao gồm các nội dung sau:

CHỦ ĐỀ 1: NỀN KINH TẾ VÀ CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ (0,25đ TNNLC)

- Bài 1: Nền kinh tế và các hoạt động của nền kinh tế
- Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế

CHỦ ĐỀ 2: THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG (0,25đ TNNLC)

- Bài 3: Thị trường và chức năng của thị trường
- Bài 4: Cơ chế thị trường
- Bài 5: Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường

CHỦ ĐỀ 3: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THUẾ (0.75đ TNNLC+ 1.0 TNĐS+1.0TL)

- Bài 6: Ngân sách nhà nước và thực hiện pháp luật về ngân sách
- Bài 7: Thuế và thực hiện pháp luật về thuế

CHỦ ĐỀ 4: SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH (0,5đ TNNLC+ 1.0 TNĐS+1.0TL)

- Bài 8: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

CHỦ ĐỀ 5: TÍN DỤNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ TÍN DỤNG (0.5đ TNNLC+ 1.0 TNĐS+1.0TL)

- Bài 9: Tín dụng và vai trò của tín dụng
- Bài 10: Cách sử dụng các dịch vụ tín dụng

CHỦ ĐỀ 6: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN (0,75đ TNNLC+ 1,0 TNĐS)

- Bài 11: Lập kế hoạch tài chính cá nhân

B. MA TRẬN:

1. Mục tiêu:

- Thực hiện theo yêu cầu của Kế hoạch dạy học bộ môn Kinh tế và Pháp luật của trường, Sở GD và ĐT Tây Ninh.
- Kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của học sinh trên lớp.
- Phân loại đối tượng HS.
- GV có giải pháp phù hợp.

2. Hình thức đề kiểm tra:

- Kiểm tra tại lớp
- Cấu trúc, ma trận, đặc tả theo CV 7991 của Bộ: TN nhiều LC 30% + Câu hỏi Đúng – Sai 40% + Tự luận 30% (40% B +30%H+30%VD)
- Ra đề theo ma trận và có bảng đặc tả.
- Số lượng đề kiểm tra: 1 lớp gồm 2 đề (2 đề tự luận trong 1 lớp khác nhau hoàn toàn)

3. Ma trận đề kiểm tra: Nội dung thuộc chương trình môn GDKT&PL và tập trung vào các chủ đề như sau

S T T	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỷ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề 1 (Bài 1,2)	Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế	Câu NLC (1)									1 NLC			2,5%
2	Chủ đề 2 (Bài 3,4,5)	Thị trường và cơ chế thị trường	Câu NLC (2)									1 NLC			2,5%

3	Chủ đề 3 (Bài 6,7)	Ngân sách Nhà nước và thuế	Câu NLC (3)		Câu NLC (9, 10)	1-TNĐS 1a	1-TNĐS 1b,1c	1-TNĐS 1d			1 TL	1NLC + 1ĐS	2ĐS	2NLC+1 ĐS + 1TL	27,5%
4	Chủ đề 4 (Bài 8)	Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh			Câu NLC (11,12)	2-ĐS 2a	2-ĐS 2b,2c	2-ĐS 2d		1TL		1ĐS	2ĐS + 1TL	2NLC+1 ĐS	25%
5	Chủ đề 5 (Bài 9,10)	Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	Câu NLC (4,5)			3-ĐS 3a	3-ĐS 3b,3c	3-ĐS 3d	1 TL			2NLC + 1ĐS + 1TL	2ĐS	1ĐS	25%
6	Chủ đề 6 (Bài 11)	Lập kế hoạch tài chính cá nhân	Câu NLC (6,7,8)			4-ĐS 4a	4-ĐS 4b,4c	4ĐS 4d				3NLC + 1ĐS	2ĐS	1ĐS	17,5%
Tổng số câu			8	4		4	8	4	0	1	2	12TN; 1TL	8TN; 1TL	8TN; 1TL	28TN, 03TL
Tổng số điểm			3,0			4,0			3,0		4,0	3,0	3,0	10	
Tỉ lệ %			30			40			30		40	3,0	3,0	100	

Lưu ý:

- 03 câu tự luận mỗi câu chiếm 1 điểm.
- Phần trắc nghiệm khách quan mỗi phương án đúng chiếm 0.25 điểm.

CẤU TRÚC + MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

A. CẤU TRÚC:

Đề kiểm tra bao gồm các nội dung sau:

Chủ đề 1: Cạnh tranh, cung, cầu trong kinh tế thị trường. (0,25đ 1 câu TN)

Chủ đề 2: Thị trường lao động, việc làm. (0,25đ 1 câu TN)

Chủ đề 3: Lạm phát, thất nghiệp. (0,25đ 1 câu TN)

Bài 5: Thất nghiệp.

Bài 6: Lạm phát.

Chủ đề 4: (Bài 7) Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh. (0,75đ 3 câu TN, 1đ 1 câu ĐS, 1đ 1 câu TL)

Chủ đề 5: (Bài 8) Đạo đức kinh doanh. (0,75đ 3 câu TN, 2đ 2 câu ĐS, 1đ 1 câu TL)

Chủ đề 6: (Bài 9) Văn hóa tiêu dùng. (0,75đ 3 câu TN, 1đ 1 câu ĐS, 1đ 1 câu TL)

B. MA TRẬN:

1. Mục tiêu:

- Kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của học sinh. Phân loại trình độ học sinh, giúp cả giáo viên và học sinh nắm được khả năng học tập của học sinh để có biện pháp dạy và học tập thích hợp hơn học kỳ II.
- Thực hiện theo yêu cầu của kế hoạch dạy học bộ môn.

2. Hình thức đề kiểm tra:

- Kiểm tra tại lớp.

- Cấu trúc, ma trận theo PL 7991 của Bộ: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn 30% + câu hỏi Đúng – Sai 40% + Tự luận 30%. (40% B +30%H+30%VD)

- Ra đề theo ma trận và có bảng đặc tả.

- Số lượng đề kiểm tra: 1 lớp gồm 2 đề (2 đề tự luận trong 1 lớp khác nhau hoàn toàn)

3. Ma trận đề kiểm tra: Nội dung thuộc chương trình môn GDKTPL 11 và tập trung các chủ đề 1, 2, 3, 4, 5, 6 như sau:

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỷ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề 1	Cạnh tranh, cung cầu trong kinh tế thị trường (Bài 1, 2)	Câu 1									1TN			0,25 (2,5%)
2	Chủ đề 2	Thị trường lao động, việc làm (Bài 3, 4)	Câu 2									1TN			0,25 (2,5%)
3	Chủ đề 3	Lạm phát, thất nghiệp (Bài 5, 6)	Câu 3									1TN			0,25 (2,5%)
4	Chủ đề 4	Ý tưởng, cơ chế kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh (Bài 7)	Câu 4,5,6				1a, 1b	1c, 1d		1		3TN	2TNĐS + 1TL	2TNĐS	2,75 (27,5%)
5	Chủ đề 5	Bài 8: Đạo đức kinh doanh	Câu 7,8,9				2a, 2b 3a, 3b	2c, 2d 3c, 3d	1			3TN + 1TL	4TNĐS	4TNĐS	3,75 (37,5%)
6	Chủ đề 6	Bài 9: Văn hóa tiêu dùng (không ra đề ở phần 3).	Câu 10,11,12				4a, 4b	4c, 4d			1	3TN	2TNĐS	1TL 2TNĐS	2,75 (27,5%)
Tổng số câu			12				2	2	1	1	1	12TN 1TL	8TN 1TL	8TN 1TL	28TN, 3TL
Tổng số điểm			3,0			4,0			3,0			4,0	3,0	3,0	100
Tỉ lệ %			30			40			30			40	30	30	100

Lưu ý:

- **03 câu tự luận mỗi câu chiếm 1 điểm.**
- **Phần trắc nghiệm khách quan mỗi phương án đúng chiếm 0.25 điểm**

CẤU TRÚC + MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

A. CẤU TRÚC:

Đề kiểm tra bao gồm các nội dung sau:

CHỦ ĐỀ 1 : Tăng trưởng và phát triển kinh tế (0,25đ TN)

- Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế

CHỦ ĐỀ 2: Hội nhập kinh tế quốc tế (0,25đ TN)

- Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế

CHỦ ĐỀ 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội (0,25đ TN)

- Bài 3: Bảo hiểm

- Bài 4: An sinh xã hội

CHỦ ĐỀ 4: Lập kế hoạch kinh doanh (0,75đ TN+1đ ĐS+1TL)

- Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh

CHỦ ĐỀ 5: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (0,75 đ TN+2đ ĐS+1đ TL)

- Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

CHỦ ĐỀ 6: Quản lý thu, chi trong gia đình (0,75đ TN+1đ ĐS+1đ TL)

- Bài 7: Quản lý thu, chi trong gia đình

B. MA TRẬN:

1. Mục tiêu:

- Kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của học sinh. Phân loại trình độ học sinh, giúp cả GV và học sinh nắm được khả năng học tập của HS để có biện pháp dạy/học tập thích hợp hơn ở HK2.

- Thực hiện theo yêu cầu của Kế hoạch dạy học bộ môn.

2. Hình thức kiểm tra:

- Kiểm tra tại lớp.

- Cấu trúc, ma trận theo PL 7991 của Bộ: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn 30% + Câu hỏi Đúng – Sai 40% + Tự luận 30%. (40%B +30%H+30%VD)

- Ra đề theo ma trận và có bảng đặc tả.

- Số lượng đề kiểm tra: 1 lớp gồm 2 đề (2 đề tự luận trong 1 lớp khác nhau hoàn toàn)

3. Ma trận đề kiểm tra: Nội dung thuộc chương trình môn GDKT&PL và tập trung vào các chủ đề như sau:

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỷ lệ % điểm	
			TNKQ						Tự luận							
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai										
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng		
1	Chủ đề 1	Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Câu 1										1TN			0,25 (2,5%)
2	Chủ đề 2	Hội nhập kinh tế quốc tế			Câu 2									1TN		0,25 (2,5%)
3	Chủ đề 3	Bảo hiểm và an sinh xã hội	Câu 3										1TN			0,25 (2,5%)
4	Chủ đề 4	Lập kế hoạch kinh doanh	Câu 4 Câu 5		Câu 6	1a	1b, 1c	1d	1				2TN; 1ĐS; 1TL	2ĐS	1TN; 1ĐS	2,75 (27,5%)

5	Chủ đề 5	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Câu 7 Câu 8		Câu 9	2a 3a	2b, 2c 3b,3c	2d 3d		1		2TN; 2ĐS	4ĐS; 1TL	1TN; 2ĐS	3,75 (37,5%)
6	Chủ đề 6	Quản lí thu, chi trong gia đình	Câu 10 Câu 11		Câu 12	4a	4b, 4c	4d			1	2TN; 1ĐS	2ĐS	1TN; 1ĐS; 1TL	2,75 (27,5%)
Tổng số câu			8		4	4	8	4	1	1	1	8TN; 4ĐS; 1TL	8ĐS; 01TL	4TN; 4ĐS 01TL	20TN; 8ĐS; 03TL
Tổng số điểm			3,0			4,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10,0
Tỉ lệ %			30			40			30			40	30	30	100

Lưu ý:

- 03 câu tự luận mỗi câu chiếm 1 điểm.
- Phần trắc nghiệm khách quan mỗi phương án đúng chiếm 0.25 điểm

Cần Đước, ngày 15 tháng 12 năm 2025
TPCM



Trần Thị Minh Thái

